

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ, Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần tập trung chỉ đạo; nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực công khai, minh bạch, hiệu quả.

2. Triển khai Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ, Kết luận số 115-KL/TW ngày 16/01/2025 và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo thực hiện; phù hợp với thực tiễn địa phương; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh.

3. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết phải đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, chặt chẽ của các cấp ủy Đảng; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn

hệ thống chính trị và toàn dân; thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực của nền kinh tế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững; mở rộng liên kết, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, khai thác tối đa mọi tiềm năng, lợi thế để nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của tỉnh. Phát triển toàn diện lĩnh vực văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đảm bảo môi trường, an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Phấn đấu đến năm 2030, đưa Nghệ An trở thành tỉnh khá của cả nước, là cực tăng trưởng tầm quốc gia, là trung tâm của khu vực Bắc Trung Bộ về công nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, thương mại, logistics, du lịch; tầm nhìn đến năm 2045, Nghệ An trở thành tỉnh có thu nhập cao, phát triển toàn diện, văn minh, hiện đại.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

2.1. Đối với nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng, bố trí, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn nhân lực của tỉnh. Phát huy yếu tố nguồn lực con người, thu hút, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực, đảm bảo tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 77%, trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 38%. Tỷ lệ thất nghiệp dưới 2,5%/năm. Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách tạo môi trường thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Cơ cấu lao động dịch chuyển theo hướng giảm tỷ trọng lao động khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng lao động khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ.

- Duy trì mức sinh thay thế bền vững phù hợp với điều kiện và đặc thù của tỉnh. Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt 75 – 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm. Chỉ số phát triển con người (HDI) phấn đấu đạt khoảng 0,78.

2.2. Đối với nguồn vật lực

- Tập trung mọi nguồn lực nhà nước, thu hút các nhà đầu tư nhằm hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm, quy mô lớn, có tính liên kết vùng: Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh – Thanh Thủy; Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng nước sâu Cửa Lò; Dự án cải tạo, mở rộng Quốc lộ 46 đoạn Vinh - Nam Đàn; Dự án Trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới; Dự án kéo dài đường cát hạ cánh - Cảng hàng không quốc tế Vinh; Các dự án hạ tầng Khu công nghiệp trong Khu kinh tế Đông Nam,...

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách quản lý, quy hoạch, sử dụng tài nguyên. Phát huy hiệu quả các nguồn tài nguyên có tiềm năng, thế mạnh như tài nguyên biển, rừng gắn với phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa - lịch sử,... Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, bảo đảm khai thác đi đôi với bảo vệ, phục hồi và tái tạo tài nguyên.

2.3. Đối với nguồn tài lực

- Thời kỳ 2026 - 2030, phấn đấu mức thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng bình quân hàng năm đạt 12% trở lên; đảm bảo cân đối ngân sách; từng bước giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Tổng mức dư nợ vay của tỉnh giai đoạn 2026 – 2030 đảm bảo trong giới hạn quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2026 – 2030 đạt khoảng 1.150 nghìn tỷ đồng; tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn đạt khoảng 57,3% GRDP.

2.4. Đối với các nguồn lực khác

- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế phấn đấu đạt 55%.

- Số lượng doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn khoảng 30 – 32 nghìn, trong đó, số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo chiếm khoảng trên 40%.

- Đóng góp của du lịch phấn đấu đạt từ 9-10% GRDP.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền để các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của việc nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền về Nghị quyết số 39-NQ/TW, Kết luận số 115-KL/TW, Nghị quyết số 12/NQ-CP và Kế hoạch này đến các cấp, các ngành và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

- Các sở, ngành, UBND các xã, phường tiếp tục quán triệt, phổ biến, tuyên truyền nghiêm túc, sâu rộng việc nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 12/NQ-CP; tạo sự đồng thuận, chuyển biến rõ rệt về nhận thức, hành động của cán bộ, công chức, viên chức và toàn thể Nhân dân trong tỉnh.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn nhân lực

2.1. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động số 13-CTr/TU ngày 09/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Hiện đại hoá, quốc tế hoá, đột phá phát triển bền vững, thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu các giải pháp hoàn thiện hệ thống giáo dục mở, liên thông, công bằng, thúc đẩy học tập suốt đời; đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục trên địa bàn tỉnh. Tham mưu phát triển hệ thống cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An hiện đại, đạt chuẩn, có vị thế, uy tín trong hệ thống giáo dục quốc gia, vươn tầm khu vực và quốc tế; trở thành trung tâm văn hoá, đổi mới, sáng tạo, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và khởi nghiệp; có khả năng phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực và sức khoẻ người học; đáp ứng nguồn nhân lực tay nghề cao, nguồn nhân lực chất lượng cao cho hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện tốt chính sách đào tạo trong các ngành Nhà nước ưu tiên phát triển; ưu tiên đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ mới nổi như trí tuệ nhân tạo (AI), năng lượng tái tạo...

- Tham mưu xây dựng các chính sách đặc thù, vượt trội của tỉnh hỗ trợ phát triển những mô hình giáo dục và đào tạo nổi trội nhằm thực hiện mục tiêu đột phá phát triển phẩm chất, năng lực và sức khoẻ người học.

- Triển khai các giải pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Chủ động tạo điều kiện để học sinh sớm tiếp cận các chương trình đào tạo nghề nghiệp phù hợp, góp phần hình thành đội ngũ lao động có kỹ năng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, tránh lãng phí về thời gian, nguồn lực và chi phí của xã hội. Thúc đẩy liên kết nhà trường với doanh nghiệp, tăng cường đào tạo tại doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế.

2.2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Rà soát, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vị trí việc làm cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm công chức.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 179/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính

sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội.

- Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách phát triển thị trường lao động; tăng cường kết nối cung – cầu lao động giữa cơ sở đào tạo, trung tâm dịch vụ việc làm và doanh nghiệp. Cập nhật cơ sở dữ liệu lao động toàn tỉnh phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về lao động và việc làm trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2.3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Đẩy mạnh việc thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- Xây dựng mô hình ươm tạo và hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo nhằm khơi dậy tiềm năng và phát huy tư duy sáng tạo trong toàn dân phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

2.4. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Thực hiện tốt chính sách dân số, chú trọng nâng cao chất lượng dân số, duy trì mức sinh thay thế bền vững, chăm sóc sức khỏe người dân cả về tâm vóc, tuổi thọ, thể chất và tinh thần.

- Tham mưu giải pháp phát triển nguồn nhân lực y tế đồng bộ về số lượng, chất lượng và cơ cấu, nhất là nhân lực cho y tế cơ sở, y tế dự phòng và vùng khó khăn; tăng cường thu hút, đào tạo, sử dụng hiệu quả nhân lực y tế chất lượng cao.

2.5. Các sở, ngành, UBND các xã, phường

- Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW về đột phá khoa học và công nghệ; đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; gắn với nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao chất lượng dân số.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực, giáo dục – đào tạo, dân số vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Quan tâm công tác đào tạo nguồn nhân lực lao động đáp ứng yêu cầu về trình độ, kỹ năng; giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao. Đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ. Thực hiện tốt phân luồng học sinh ngay từ cuối cấp trung học cơ sở, đầu cấp phổ thông trung học. Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác kết nối cung – cầu lao

động, giải quyết việc làm, thu hút lao động cho các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh chương trình hợp tác đào tạo theo đơn đặt hàng với các doanh nghiệp và theo nhu cầu xã hội.

- Đổi mới công tác quản lý, phương thức hoạt động, phát huy vai trò tuyên truyền, vận động của các tổ chức, đoàn thể, tổ chức quần chúng, xã hội nghề nghiệp trong phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống vị trí việc làm, cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức thống nhất, đồng bộ phục vụ công tác quy hoạch và quản lý nhân sự. Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, có tính định lượng bằng các tiêu chí cụ thể gắn với tiến độ, chất lượng của kết quả, sản phẩm theo từng vị trí việc làm.

- Tổ chức thực hiện các chính sách nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số nhanh, phát triển dân số bền vững, chú trọng chăm sóc sức khỏe toàn diện, cải thiện tầm vóc, thể chất, tuổi thọ và đời sống tinh thần cho người dân.

3. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn vật lực

3.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Rà soát, tham mưu điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo đúng quy định của Luật Quy hoạch, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia và quy hoạch vùng, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu thực tiễn phát triển trong bối cảnh mới trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030, Kế hoạch đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn miền Tây Nghệ An giai đoạn 2026 - 2030 theo cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 137/2024/QH15 của Quốc hội bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm.

- Tham mưu đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước (không bao gồm các công ty nông, lâm nghiệp), phát triển kinh tế tập thể theo mô hình hiện đại; tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh, bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển theo Nghị quyết số 68-NQ/TW.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư có trọng tâm, có hiệu quả, trong đó tập trung hướng tới các nhà đầu tư có thương hiệu, có năng lực để thực hiện các dự án phù hợp với định hướng phát triển kinh tế của tỉnh. Tham mưu, theo dõi việc triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

3.2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Tham mưu triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, nhất là hạ tầng giao thông chiến lược, có tính kết nối, tác động lớn đối với sự phát triển của tỉnh: Dự án Đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Vinh – Thanh Thủy; Dự án thành phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (bao gồm việc di dời công trình có điện áp dưới 110kV) địa phận tỉnh Nghệ An thuộc Dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam; Dự án kéo dài đường cát, hạ cánh, Cảng Hàng không quốc tế Vinh...

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh. Nâng cao công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng từ khâu thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán đến kiểm tra điều kiện nghiệm thu công trình xây dựng. Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng mới, khuyến khích tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và phù hợp tiêu chuẩn xanh.

- Hướng dẫn các xã lập quy hoạch chung xã, bổ sung quy hoạch phát triển đô thị; quy hoạch xây dựng các khu chức năng theo định hướng quy hoạch tỉnh được duyệt.

- Thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh; huy động các nguồn lực để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp đồng bộ các tuyến đường theo quy hoạch. Hướng dẫn địa phương quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đối với hệ thống đường trên địa bàn.

3.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Tham mưu triển khai các dự án đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy lợi đa mục tiêu và các công trình phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Đất đai năm 2024. Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ và sử dụng bền vững đất, nước, rừng, đa dạng sinh học, phục vụ sản xuất và bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm, xử lý hành vi vi phạm tài nguyên và môi trường.

- Đẩy mạnh điều tra, thăm dò đánh giá tiềm năng, trữ lượng khoáng sản và siết chặt quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên khoáng sản trên địa bàn. Yêu cầu áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản. Rà soát lại các mỏ đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản chưa hết hạn nhưng không còn hoạt động, giấy phép đã hết hạn nhưng chưa thực hiện đóng cửa mỏ để có phương án quản lý phù hợp.

- Rà soát diện tích và tình hình đất đã giao cho các tổ chức, cá nhân sử dụng; xử lý triệt để tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, cho mượn, giao khoán trái pháp luật. Tham mưu triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ về việc ban

hành cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong việc triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024, bảo đảm nguồn cung vật liệu xây dựng trên địa bàn.

- Tiếp tục quản lý, bảo vệ, phát triển và khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp. Tham mưu triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 23/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2026 – 2030. Thực hiện có hiệu quả chính sách giao đất, giao rừng gắn với sinh kế bền vững cho người dân; triển khai tín chỉ cacbon.

- Xây dựng hệ thống dự báo, cảnh báo sớm, đầu tư hạ tầng phòng, chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, nhất là khu vực miền núi cao, bờ sông, bờ biển; tăng cường năng lực dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu để chủ động phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tuyên truyền, chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách phát triển thủy sản. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các giải pháp chống đánh bắt hải sản bất hợp pháp; xây dựng chính sách hỗ trợ ngư dân trong thời gian tạm ngừng khai thác thủy sản và chuyển đổi nghề. Phối hợp thực hiện các chương trình điều tra nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản. Xây dựng lực lượng kiểm ngư đủ mạnh để bảo vệ nguồn lợi gắn với bảo vệ ngư dân và quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo. Tăng cường chống biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, sạt lở, bảo vệ tài nguyên biển.

- Tham mưu sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Tham mưu triển khai các dự án hạ tầng năng lượng theo Quy hoạch điện VIII, Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và Quy hoạch tỉnh, đặc biệt là Dự án Nhà máy Nhiệt điện LNG Quỳnh Lập.

- Thực hiện rà soát lại các quy hoạch về năng lượng; tiếp tục tham mưu triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 – 2030.

- Tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển logistics thương mại, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành dịch vụ thương mại, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, hiện đại hóa hoạt động thương mại. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm trong tỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử

3.5. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Tham mưu triển khai phát triển hệ thống cảng biển Cửa Lò, các cảng tổng hợp, khu bến Đông Hồi kết nối Nam Nghi Sơn, hình thành cụm cảng liên vùng Nghi Sơn – Đông Hồi; phát triển các dịch vụ logistics, khu công nghiệp và đô thị biển hiện đại, sinh thái, có hạ tầng kỹ thuật – xã hội đồng bộ. Phối hợp nhà đầu tư triển khai bảo đảm tiến độ các dự án hạ tầng trong Khu kinh tế Đông Nam (Thọ Lộc, VSIP 3, Hoàng Mai I, II,...).

- Lập, triển khai quy hoạch, đầu tư và nâng cấp hệ thống kho bãi, dịch vụ hậu cần, bảo quản hàng hóa hiện đại; ưu tiên phát triển tại các vùng gắn với đô thị, khu công nghiệp trọng điểm và các hành lang kinh tế quan trọng.

3.6. UBND các xã, phường

- Tổ chức rà soát, đánh giá đầy đủ tiềm năng, trữ lượng tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản và quản lý môi trường. Xử lý nghiêm các trường hợp khai thác tài nguyên không phép, trái phép theo quy định của pháp luật.

- Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển, trong đó, ưu tiên huy động các nguồn lực xã hội, nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách. Tham mưu ban hành các cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia cung cấp các dịch vụ công; thực hiện đấu giá các vị trí đất có lợi thế phát triển dịch vụ, thương mại, nhà ở theo quy hoạch.

- Quản lý chặt chẽ vốn đầu tư công, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước, triển khai đầu tư các dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn được duyệt, khắc phục triệt để tình trạng đầu tư dàn trải; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án đang thực hiện nhằm sớm đưa vào sử dụng để tăng cường cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được cấp phép đầu tư. Tăng cường kêu gọi, thu hút các dự án mới để góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn tài lực

4.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn. Cơ cấu lại thu ngân sách theo hướng bền vững, tăng thu từ khu vực sản xuất kinh doanh, giảm dần tỷ trọng thu từ tài nguyên, đất đai. Thực hiện quản lý chi ngân sách đảm bảo chặt chẽ, đúng chế độ quy định. Thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo

hướng tăng hợp lý tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên gắn với đổi mới mạnh mẽ khu vực sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ và tinh giản bộ máy, biên chế, thực hiện cải cách tiền lương.

- Tham mưu phân bổ vốn đầu tư công bảo đảm tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn và thứ tự ưu tiên theo quy định. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư các công trình cấp bách, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, tính kết nối phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tham mưu các giải pháp đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác sắp xếp, bố trí, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không còn sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả theo đúng quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2025/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) bảo đảm không để xảy ra thất thoát, lãng phí.

- Tham gia thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn FDI và ODA; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong tỉnh và doanh nghiệp FDI; ưu tiên các dự án có giá trị gia tăng cao, gắn với chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực, phát triển hạ tầng và chuỗi giá trị nội địa.

4.2. Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan khu vực XI

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp quản lý thu ngân sách nhà nước, nắm chắc nguồn thu, đẩy mạnh quản lý thu thuế đối với hoạt động thương mại điện tử.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách nhà nước, quản lý chặt chẽ các nguồn thu phát sinh trên địa bàn, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước.

4.3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 8

- Triển khai kịp thời, hiệu quả các chủ trương, chính sách tiền tệ, tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng, Chi nhánh tổ chức tín dụng chấp hành nghiêm các quy định về lãi suất, đồng thời đẩy mạnh huy động vốn, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Chỉ đạo các tổ chức tín dụng kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, tập trung vốn cho sản xuất - kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên; khuyến khích phát triển tín dụng xanh, tín dụng số, tín dụng vi mô... và các dịch vụ ngân hàng hiện đại, bảo đảm hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả. Chỉ đạo, đôn đốc, đẩy mạnh tái cơ cấu các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động ngân hàng; bảo đảm các chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước được thực hiện đúng đối tượng, sử dụng vốn hiệu quả.

4.4. Các sở, ngành, UBND các xã, phường

- Thực hiện nghiêm Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công. Giám sát chặt chẽ các khoản chi từ ngân sách nhà nước, chi đúng dự toán ngân sách được giao, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu quả. Nâng cao hiệu quả chi ngân sách, từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiếp tục tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

5. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

5.1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Triển khai quyết liệt, hiệu quả Kế hoạch hành động số 328-KH/TU ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 348/KH-UBND ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 328-KH/TU ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh. Triển khai hiệu quả, có trọng điểm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp quốc gia thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, phát triển hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp trong tỉnh đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, mô hình kinh doanh mới gắn với công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới nhằm tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế.

- Đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; trong đó ưu tiên đầu tư, nguồn lực cho nghiên cứu và phát triển, nhất là công nghệ cốt lõi, công nghệ nền tảng; khuyến khích các mô hình hợp tác công – tư, hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng, thương mại hóa công nghệ.

- Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nhân lực số và thể chế số đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc

đẩy chuyển đổi số, trong đó chú trọng những chính sách thu hút, phát triển doanh nghiệp công nghệ số; chính sách thu hút nhân lực công nghệ thông tin; quy định, quy chế việc kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu; phát huy hiệu quả hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng,...

5.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Tăng cường các giải pháp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản, nghiên cứu phát triển các giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của tỉnh, thích ứng với biến đổi khí hậu; rà soát, xây dựng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia đang triển khai trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ, đầu tư phát triển sản xuất thông qua các dự án phát triển theo chuỗi giá trị và đẩy mạnh phát triển các dự án cộng đồng.

6. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực văn hóa, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa lý

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị:

- Tham mưu các giải pháp triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 – 2035 trên địa bàn tỉnh. Tham mưu cơ chế thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, khuyến khích hình thức hợp tác công – tư, xã hội hóa các hoạt động văn hóa.

- Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, sáng tạo, quảng bá và tiêu dùng văn hóa, hình thành hệ sinh thái văn hóa số đồng bộ trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu giải pháp giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa gắn với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Đẩy mạnh việc đầu tư, xây dựng và hoàn thiện các công trình văn hóa trọng điểm trên địa bàn tỉnh; bảo tồn, phục dựng, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển du lịch, đặc biệt là Khu di tích quốc gia đặc biệt Kim Liên. Xây dựng các sản phẩm du lịch đặc thù gắn với Nghệ An như nghỉ dưỡng biển đảo, trải nghiệm sông Lam,...; nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa tiêu biểu như Lễ hội Làng Sen, Liên hoan Dân ca Ví – Giặm Nghệ Tĩnh.

- Khảo sát, nhận diện các nguồn tài nguyên du lịch của tỉnh; tham mưu giải pháp phát triển du lịch bền vững, gắn với cộng đồng địa phương để nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Nghệ An. Xây dựng và phát triển thương hiệu du lịch đặc trưng của tỉnh như Du lịch chuyên đề về Chủ tịch Hồ Chí Minh, đất nước và con người xứ Nghệ.

7. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực thương hiệu, doanh nghiệp và sản phẩm

7.1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Phát triển giá trị thương hiệu các sản phẩm đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp về việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ thương hiệu. Triển khai hỗ trợ truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm OCOP và sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh.

- Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đẩy mạnh hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế có tiềm lực, thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, công nghệ chế biến bảo quản nông lâm sản.

7.2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị

- Triển khai các chương trình, đề án về xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh; tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành chức năng và địa phương trong việc phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ mới.

- Tiếp tục phát triển đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chú trọng tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa của tỉnh, đồng thời thực hiện tốt các giải pháp thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh đưa các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng lên sàn thương mại điện tử.

7.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị tiếp tục phát triển các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thực hiện tốt chương trình mỗi xã một sản phẩm, đẩy mạnh du lịch trải nghiệm gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn.

7.4. Các Sở, ngành, UBND các xã, phường

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về thương hiệu quốc gia, tỉnh và thương hiệu doanh nghiệp. Triển khai các chính sách đột phá để khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu.

- Tập trung hỗ trợ, nâng cao năng lực doanh nghiệp vừa và nhỏ để kết nối hiệu quả với doanh nghiệp lớn trong nước, doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp quốc tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; cụ thể hóa thành kế hoạch công tác của đơn vị mình và phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;



đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Tài chính) điều chỉnh những nội dung, nhiệm vụ do thực tế phát sinh phù hợp với các mục tiêu, yêu cầu trong Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 12/NQ-CP.

2. Sở Tài chính theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hằng năm (*trước ngày 10 tháng 12*) và đột xuất khi có yêu cầu tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (K).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An